

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 17/2023/TLST-KDTM ngày 17 tháng 4 năm 2023.

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty cổ phần M (Viết tắt là Công ty M); địa chỉ: số S, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Quang N; địa chỉ: số S, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Giấy ủy quyền số 252/UQ-KKMT ngày 25/5/2023).

- *Bị đơn*: Công ty cổ G (Viết tắt là Công ty G); địa chỉ: Lô C, KCN P, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của bị đơn: ông Trần Minh T - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty G; địa chỉ: số nhà I, ngõ H, đường V, phường V, quận H, Thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Tính đến ngày 07/7/2023, Công ty G còn nợ Công ty M số tiền mua bán hàng hóa là: 489.821.130 đồng và tiền lãi tính đến ngày 19/7/2022 là: 241.346.689 đồng. Tổng cộng là 731.167.819 đồng (Bảy trăm ba mươi một triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm mười chín đồng).

Công ty M miễn một phần tiền lãi cho Công ty G số tiền là 121.346.689 đồng (Một trăm hai mươi một triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm tám mươi chín đồng).

Công ty G có trách nhiệm trả nợ Công ty M số tiền mua bán hàng hóa là: 489.821.130 đồng và 120.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 609.821.130 đồng (Sáu trăm linh chín triệu tám trăm hai mươi một nghìn một trăm ba mươi đồng)

Lịch trả nợ cụ thể như sau:

Từ tháng 7/2023 đến tháng 9/2024 mỗi tháng trả 30.000.000 đồng nợ gốc;

Tháng 10/2024 trả 39.821.130 đồng nợ gốc và 120.000.000 đồng tiền lãi.

Công ty G cam kết trong bất kể trường hợp nào, không xét đến lý do nếu Công ty G vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trả nợ đã thống nhất nêu trên (trả nợ không đúng thời hạn, không trả đủ hoặc không trả) thì Công ty M được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án buộc Công ty G phải trả ngay toàn bộ số tiền Công ty G còn nợ Công ty M, kể cả số tiền chưa đến hạn phải trả theo thỏa thuận trên.

Công ty M không yêu cầu Công ty Giao thông phải trả lãi chậm thanh toán cho Công ty M.

2. Về án phí:

- Công ty G chịu 50% án phí Kinh doanh thương mại là 7.098.200 đồng (Bảy triệu không trăm chín mươi tám nghìn hai trăm đồng);

- Công ty M chịu 50% án phí Kinh doanh thương mại là 7.098.200 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.600.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0001066 ngày 13/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình; Công ty M được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 10.501.800 đồng (Mười triệu năm trăm linh một nghìn tám trăm đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Ninh Bình
- Chi cục THADS TP. Ninh Bình;
- Các đ-ơng sự;
- L- u.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Hiền